

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HS-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Hè.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2024/HSST ngày 02/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 03/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 16/01/2025 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Lê Văn B. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1982. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Lê Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị Na. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ bảy. Vợ là Trịnh Thị L, sinh năm 1983. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố H. (có mặt)

* Bị hại: Tổng công ty Cổ phần B2; địa chỉ: Số H Bà T, phường H, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn K - Chức vụ: Tổng Giám đốc. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Tống Trần S - Giám đốc Công ty B3; địa chỉ: Tòa nhà V, số E đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt).

- Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt).

- Chị Bùi Thị P - Kế toán trưởng, Công ty B3. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng công ty cổ phần B2 thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP/KDBH ngày 10/12/2008 của Bộ T, hoạt động kinh doanh bảo hiểm P1. Công ty có chi nhánh tại Hưng Yên là Công ty B3, địa chỉ tại Tòa nhà V, số E đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên được thành lập ngày 02/7/2020 theo giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC24/KDBH ngày 24/6/2020 của Bộ T trên cơ sở phát triển từ Trung tâm K1 thuộc Công ty B4.

Ngày 01/03/2019, Lê Văn B ký Hợp đồng lao động số 03/2019/HĐLĐ - BSH-TTKDHY với Trung tâm K1 thuộc Công ty B4, nay là Công ty B3, với chức danh chuyên môn là nhân viên kinh doanh; công việc: Theo sự điều hành, phân công việc của Giám đốc; làm việc tại phòng kinh doanh của công ty. Quá trình làm việc, công ty sẽ giao cho B các ấn chỉ bảo hiểm được ký và đóng dấu sẵn để trống phần thông tin khách hàng để B thực hiện hoạt động kinh doanh, bán cho khách hàng. Sau khi hoàn tất việc mua, bán ấn chỉ bảo hiểm, B sẽ giao 01 liên cho khách hàng và gửi 01 liên về bộ phận kế toán để tiến hành nhập thông tin khách hàng lên hệ thống. Khách hàng sẽ tiến hành thanh toán tiền phí bảo hiểm bằng cách chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của công ty hoặc thanh toán tiền mặt cho B. Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, theo quy định ngay khi nhận tiền, B phải nộp tiền phí bảo hiểm đã thu của khách về bộ phận kế toán của công ty. Căn cứ quy định của Bộ T và Tổng công ty cổ phần B2 thì số tiền hoa hồng nhân viên kinh doanh bảo hiểm được hưởng được tính theo phần trăm dựa trên phí bảo hiểm đã trừ thuế như sau: Đối với bảo hiểm vật chất xe ô tô, nhân viên kinh doanh được hưởng 25% tiền phí bảo hiểm; đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm lái, phụ xe ô tô thì nhân viên kinh doanh được hưởng 44% tiền phí Bảo hiểm; đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe gắn máy nhân viên kinh doanh được hưởng 77% tiền phí Bảo hiểm; đối với bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, nhân viên kinh doanh được hưởng 33% tiền phí bảo hiểm. Việc thanh toán tiền phí hoa hồng được thực hiện như sau: Trong trường hợp khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, kế toán của Công ty sẽ trích tiền hoa hồng thanh toán cho nhân viên kinh doanh; trường hợp khách hàng thanh toán tiền mặt, nhân viên kinh doanh sẽ giữ lại tiền hoa hồng mình được hưởng và nộp tiền bảo hiểm đã thu của khách hàng trừ đi tiền hoa hồng về Công ty.

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2020 đến ngày 17/12/2021, quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, Lê Văn B đã thu tiền phí bảo hiểm của 71 khách hàng, với tổng số tiền 425.643.491 đồng. Theo quy định của công ty, B được hưởng hoa hồng số tiền là 108.405.714 đồng và phải nộp về công ty số tiền là 317.237.777 đồng nhưng B không nộp mà chiếm đoạt sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Ngày 15/7/2023 và ngày 31/8/2023, Lê Văn B đã nộp tổng số tiền 21.000.000 đồng cho Công ty T1 với số tiền bảo hiểm chưa trừ hoa hồng là

27.506.000 đồng để khắc phục. Đến nay số tiền phí bảo hiểm Lê Văn B còn phải nộp về công ty là 296.237.777 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện cho bị hại Tổng công ty cổ phần B2 yêu cầu Lê Văn B phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 296.237.777 đồng.

Cáo trạng số 93/CT-VKS-TPHY ngày 29/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn B thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu; không có ý kiến tranh luận và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như đã nêu trong cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố: Bị cáo Lê Văn B phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự buộc bị cáo hoàn trả cho Công ty cổ phần B5 số tiền 317.237.777 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an thành phố H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và những người làm chứng vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ quy định tại các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX xét xử vắng mặt.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như biên bản ghi lời khai của bị cáo; biên bản ghi lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị

hại; lời khai người làm chứng; bảng kê nợ phí bảo hiểm; các ấn chỉ bảo hiểm và các tài liệu khác có liên quan trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian làm việc từ ngày 29/02/2020 đến ngày 17/12/2021, tại Trung tâm K1 thuộc Công ty B4, nay là Công ty B3 - Tổng Công ty cổ phần B2, Lê Văn B1 là nhân viên kinh doanh có nhiệm vụ bán các loại bảo hiểm của công ty cho khách hàng, thu tiền và nộp về công ty theo quy định. Lê Văn B1 đã bán bảo hiểm và thu phí của 71 khách hàng, trong đó có nhiều hợp đồng phí bảo hiểm trên 2.000.000 đồng với tổng số tiền là 425.643.491 đồng. Theo quy định của công ty, trong tổng số tiền là 425.643.491 đồng đã bán bảo hiểm và thu được thì B được hưởng hoa hồng số tiền là 108.405.714 đồng và phải nộp về công ty số tiền 317.237.777 đồng nhưng B không nộp mà tiêu sài cá nhân hết. Hành vi lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao chiếm đoạt số tiền như đã nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố các cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên truy tố bị cáo về hành vi, về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, chính xác.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của Tổng công ty cổ phần B2, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tổ chức. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của công ty là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là bệnh binh; bị cáo đã tự nguyện khắc phục, trả lại cho Tổng công ty cổ phần B2 một phần số tiền là 21.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, phạm tội với lỗi cố ý nhằm thỏa mãn nhu cầu bản thân. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học chung cho mọi người.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản tích lũy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã hoàn trả cho Tổng công ty cổ phần B2 số tiền 21.000.000 đồng. Tổng công ty yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền là 296.237.777 đồng nên cần buộc bị cáo hoàn trả cho Tổng công ty cổ phần B2 số tiền là 296.237.777 đồng.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn B phạm tội “Tham ô tài sản”.

3. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn B 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2024.

4. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lê Văn B phải hoàn trả cho Tổng công ty cổ phần B2 số tiền là 296.237.777 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Về án phí: Bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.811.888 đồng án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKS, THA thành phố Hưng Yên;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Đào Thúy Hà

